

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**
Bản án số: **35/2019/DS-ST**
Ngày: 29/10/2019
V/v: *Tranh chấp về hợp đồng
dân sự “Vay tài sản và góp hụi”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Cương

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 198/2017/TLST- DS ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2019/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2019/QĐST – DS ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trương Ngọc B, sinh năm: 1972 và ông Châu Hùng Ph, sinh năm: 1972. Cùng địa chỉ: Ấp Thành Phụng Đông, xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

Ông Ph ủy quyền cho bà B theo giấy ủy quyền ngày 16/01/2018.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ph1, sinh năm: 1972 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1974. Cùng địa chỉ: Ấp Thành Phụng Đông, xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Ngọc B và ông Châu Hùng Ph trình bày và yêu cầu như sau:**

Trước đây, ông bà có làm chủ 01 dây hụi tháng (01 triệu đồng/tháng/ chung), dây hụi áp ngày 20/5/2016 âm lịch (nhằm ngày 24/6/2016 DL) và ngày mãn hụi là ngày 20/7/2018 âm lịch (nhằm ngày 30/8/2018 DL), dây hụi có 28 chung. Vợ chồng bà Y, ông Ph1 tham gia 01 chung và hốt hụi vào lần thứ 2 (tháng 6/2016 âl) và trực tiếp nhận tiền hụi tại nhà ông bà. Nhưng khi giao tiền thì giữa 02 bên không có làm giấy tờ giao nhận tiền, số tiền hụi mà bà Y ông Ph1 nhận được sau khi trừ tiền thảo là 18.180.000 đồng. Sau khi hốt hụi, thì vợ chồng bà Y, ông Ph1 đóng được 01 lần hụi

chết đến nay ông bà không đóng nữa. Tính đến ngày mãn hạn (ngày 20/7/2018), thì ông bà đã trả hạn chết cho vợ chồng bà Y và ông Ph1 tổng cộng là 25 lần hạn chết tương đương với số tiền là 25.000.000 đồng. Ngoài ra, vào thời điểm tết Nguyên đán 2017, vợ chồng bà Y, ông Ph1 có hỏi mượn của ông bà số tiền là 600.000 đồng đến nay chưa trả.

Vợ chồng ông bà có nhắc nhở việc đóng hạn nhưng bà Y và ông Ph1 vẫn không thực hiện. Khi được BLĐ áp mời cả 02 bên lên giải quyết, vợ chồng bà Y, ông Ph1 cũng không chấp hành nên ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Y và ông Ph1 phải có trách nhiệm trả cho ông bà 01 lần số tiền hạn chết là 25.000.000 đồng và số tiền mượn là 600.000 đồng. Tổng cộng là 25.600.000 đồng. Ngoài ra, ông bà không yêu cầu gì thêm.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2019 bà Nguyễn Thị Y khai như sau:* Vào ngày 24/6/2016 (nhằm ngày 20/5/2016 âm lịch) vợ chồng bà có tham gia 01 chung hạn tháng (01 triệu đồng/chung/tháng) do bà B làm chủ, hiện nay đây hạn bà Y tham gia đã mãn hạn. Trước đây, bà cũng có tham gia nhiều đây hạn do bà B làm chủ nên bà không nhớ số tiền bà hót hạn được là bao nhiêu và cũng không ngày tháng tham gia góp hạn. Đây hạn sau cùng bà Y tham gia thì sau khi bà Y hót hạn thì số tiền hót hạn mà B đã trừ vào số tiền mà bà Y còn nợ của các đây hạn trước đây. Bà đồng ý cản trừ và hàng tháng đều đóng tiền hạn chết đầy đủ cho bà B. Sau đó, gia đình bà Y gặp khó khăn nên bà ngưng không đóng hạn chết cho bà B nữa.

Bà Y xác nhận chỉ còn nợ bà B số tiền hạn chết là 6.000.000 đồng và tiền vay là 600.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng là 300.000 đồng. Không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của bà B.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2019 ông Nguyễn Văn Ph1 khai như sau:* Việc tham gia hạn giữa bà Y và bà B là ông không biết. Sau khi nhận thông báo của của Tòa án và nghe bà Y nói lại thì ông mới biết là bà Y còn nợ bà B số tiền hạn chết là 6.000.000 đồng và tiền vay là 600.000 đồng. Ông Ph1 đồng ý trả nợ cho bà B cùng bà Y số tiền hạn chết là 6.000.000 đồng và tiền vay là 600.000 đồng nhưng hoàn cảnh khó khăn nên ông xin trả dần mỗi tháng là 300.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Tại phiên tòa:*

- *Nguyên đơn bà B yêu cầu:* Vợ chồng bà Y và ông Ph1 phải có trách nhiệm trả 01 lần số tiền hạn chết là 25.000.000 đồng và số tiền vay là 600.000 đồng. Tổng cộng là 25.600.000 đồng. Ngoài ra, ông bà không yêu cầu gì thêm.

- *Bị đơn bà Y và ông Ph1 vắng mặt.*

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

Thẩm Ph, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; phía bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại

phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 BLTTDS gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án thì bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình nên yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Hùng Ph và bà Trương Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Ph1, bà Nguyễn Thị Y (*có nơi cư trú tại ấp Thành Phụng Đông, xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang*) trả tiền hui chết và tiền vay còn nợ ông bà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hui và vay tài sản*”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Ph1 và bà Y vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trường hợp vắng mặt của ông Ph1 và bà Y không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph1 và bà Y.

[2] *Về nội dung trong vụ án*: Trước đây, bà B và ông Ph có làm chủ 01 dây hui tháng, vợ chồng bà Y, ông Ph1 tham gia 01 chung, hót hui vào lần thứ 2 (tháng 6/2016 âl) và trực tiếp nhận tiền hui tại nhà ông Ph1, bà Y.

Nhưng khi giao tiền thì giữa 02 bên không có làm giấy tờ giao nhận tiền. Sau khi hót hui, vợ chồng bà Y, ông Ph1 đóng được 01 lần hui chết đến nay ông bà không đóng nữa. Tính đến ngày mãn hui (ngày 20/7/2018), thì ông Ph, bà B đã trả hui chết cho vợ chồng bà Y và ông Ph1 tổng cộng là 25 lần tương đương với số tiền là 25.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng bà Y, ông Ph1 có hỏi vay thêm số tiền là 600.000 đồng đến nay chưa trả nên ông Ph bà B khởi kiện yêu cầu ông Ph1 và bà Y trả 01 lần số tiền tổng cộng là 25.600.000 đồng.

2.1 Xét yêu cầu của bà B và ông Ph về việc yêu cầu bà Y, ông Ph1 trả số tiền vay là 600.000 đồng, đối với yêu cầu này đã được bà Y, ông Ph1 thừa nhận sự việc là ông bà có vay của bà B, ông Ph số tiền 600.000 đồng nhưng chưa trả. Đây thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên bà B, ông Ph không phải chứng minh cho yêu cầu của mình về việc bà Y, ông Ph1 còn nợ số tiền vay là 600.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bà B và ông Ph về việc yêu cầu bà Y, ông Ph1 trả số tiền hui chết là 25.000.000 đồng, HĐXX xét thấy trong quá trình thu thập chứng cứ và lời khai của bà Y và ông Ph1 xác nhận có tham gia 01 chung hui tháng do bà B làm chủ (*hui áp ngày 24/6/2016, nhằm ngày 20/5/2016 âm lịch*) đã hốt hui và hàng tháng đóng hui chết đầy đủ, chỉ còn nợ lại bà B số tiền hui là 6.000.000 đồng và tiền vay là 600.000 nhưng ông bà không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của ông bà nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà B, ông Ph và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Buộc bà Y, ông Ph1 trả cho bà B và ông Ph tổng số tiền là 25.600.000 đồng, trong đó tiền vay là 600.000 đồng và tiền hui là 25.000.000 đồng.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

- Buộc bà Y và ông Ph1 chịu án phí trên số tiền phải trả (25.600.000 đồng x 5%) là 1.280.000 đồng (*Một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

- Do yêu cầu của ông Ph, bà B được chấp nhận nên hoàn trả lại cho ông bà tiền tạm ứng án phí mà ông bà đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 466 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hui, biểu, phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn Ph1, bà Nguyễn Thị Y trả cho bà Trương Ngọc B, ông Ph số tiền vay và tiền hui tổng cộng là 25.600.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà B, ông Ph có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ph1 và bà Y không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng ông Ph1, bà Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc ông Nguyễn Văn Ph1, bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí là 1.280.000 đồng (*Một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*)

- Hoàn trả lại cho bà Trương Ngọc B và ông Châu Hùng Ph tổng số tiền tạm ứng án phí mà ông bà đã nộp là 1.065.000 đồng (*Một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) theo các lai thu số 0008502 ngày 21/11/2017 (*số tiền 365.000 đồng*), lai thu số 0008574 ngày 18/01/2018 (*số tiền 300.000 đồng*) và lai thu số 0008905 ngày 28/9/2018 (*số tiền 400.000 đồng*) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4. *Quyền kháng cáo*: Bà B có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/10/2019).

Riêng ông Nguyễn Văn Ph1 và bà Nguyễn Thị Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PH - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh